

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHAN RANG-THÁP CHÀM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /GPMT-UBND Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 18 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG-THÁP CHÀM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Sài Gòn - Phan Rang tại Văn bản số 45/CV-PR ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Siêu thị Co.opmart Thanh Hà” và Văn bản số 54/CV-PR ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo và đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Siêu thị Co.opmart Thanh Hà”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phan Rang – Tháp Chàm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Sài Gòn - Phan Rang, địa chỉ thực hiện dự án tại số 97 đường Trần Phú, phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Siêu thị Co.opmart Thanh Hà” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Siêu thị Co.opmart Thanh Hà”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 97 đường Trần Phú, phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp:

4500280151 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 05/06/2009 và đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22/11/2021.

Giấy chứng nhận đầu tư số 43121000048 do UBND tỉnh Ninh Thuận chứng nhận lần đầu ngày 24/09/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 26/6/2014.

1.4. Mã số thuế: 4500280151.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại Chợ Thanh Hà.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

Tổng mức đầu tư của Cơ sở là 20 tỷ, phân loại theo tiêu chí quy định tại Điều 8 của Luật đầu tư công 2019 thì Cơ sở thuộc nhóm C.

Quy mô, công suất sản xuất: Dự án có tổng diện tích là 6.575m² tại đường Trần Phú, phường Phú Hà, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 14.

Các hạng mục công trình đầu tư xây dựng với quy mô 01 tầng trệt và 02 lầu với diện tích xây dựng 2.177,6 m², tổng diện tích sàn 5.109,4 m² và các công trình phụ trợ khác.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Sài Gòn - Phan Rang được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Sài Gòn - Phan Rang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này

và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Mười (10) năm (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 26 tháng 4 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Phú Hà tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án “Siêu thị Co.opmart Thanh Hà” được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV TM&DV SG – PR;
- Phòng TN&MT;
- UBND phường Phú Hà;
- Trang Thông tin điện tử TPPR-TC;
- Lưu: VT. *th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hoài Nam



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải từ quá trình hoạt động sơ chế thực phẩm, chế biến thức ăn, hoạt động nhân viên và người tiêu dùng đến ăn uống, mua hàng hóa và sản phẩm của siêu thị.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó tự chảy theo đường ống D60 thoát ra hố ga công thoát nước chung của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguồn tiếp nhận là sông Cái Phan Rang (khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố).

2.2. Vị trí xả nước thải:

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sẽ tự chảy về hố ga công thoát nước chung thành phố có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15''$, múi 3⁰ X= 1.276.708; Y= 582.450.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phải đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải được thu gom theo đường ống bê tông cốt thép có đường kính dao động từ 150mm- 200mm, độ dốc 0,5%, tổng chiều dài 129,5m. Thu gom từ các bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung 30m³/ngày đêm của Dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

Hóa chất sử dụng là Javel 10% dùng để khử trùng nước thải sinh hoạt với lượng sử dụng 30-40 lít/tháng. Ngoài ra hệ thống sử dụng hóa chất nâng pH là NaOH xử lý bể Aerotank với lượng sử dụng khoảng 60-70kg/tháng.

- Công trình hệ thống xử lý nước thải của dự án: Danh mục, kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Hạng mục	Kích thước (m) (dài x rộng x cao) m	Số lượng	Vật liệu
1	Hố thu gom nước thải	2,5 x 1,5 x 1,5	01	BTCT
2	Bể điều hòa	4,0 x 1,8 x 2,6	01	BTCT
3	BỂ AEROTANK	4,0 x 2,0 x 2,6	01	BTCT

TT	Hạng mục	Kích thước (m) (dài x rộng x cao) m	Số lượng	Vật liệu
4	Bể lắng sinh học	2,0 x 2,0 x 2,6	01	BTCT
5	Bể khử trùng	2,0 x 0,8 x 2,6	01	BTCT
6	Bể chứa và nén bùn	2,0 x 1,2 x 2,6	01	BTCT

- Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Thiết bị hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Ghi chú
1	Bơm hồ thu gom	Cái	2	Ý	Hoạt động bình thường
2	Bơm bể điều hòa	Cái	2	Ý	
3	Máy thổi khí	cái	2	Nhật Bản	
4	Bơm bùn tuần hoàn	cái	2	Nhật bản	
5	Bơm định lượng hóa chất	cái	4	Mỹ	
6	Bơm bể khử trùng	cái	2	Ý	
7	Đồng hồ lưu lượng nước thải	cái	1	Hàn Quốc	

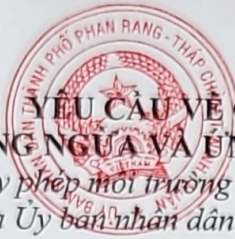
1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành rà soát các công trình, thiết bị thu gom để xác định nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục, cải tạo công trình, đồng thời báo với cơ quan có chức năng để phối hợp quản lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại cột B, hệ số k=1,0 của QCVN 14:2008/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải tại Dự án.



Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt vào thời điểm cao nhất của Dự án thực tế 145kg/ngày đêm.

- Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: rác thực phẩm, giấy, nilon, carton, vải, gỗ, thủy tinh, lon thiếc, nhôm, kim loại, tro,...

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên thành phần chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại.	Rắn	4	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	Rắn	24	16 01 06
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	Lỏng	4	17 02 03
4	Pin	Rắn	7	16 01 12
Tổng khối lượng			39	

1.3. Bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa, HTXLNT và bể tự hoại:

Khối lượng phát sinh thực tế 30 kg bùn khô/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Số lượng 30 thùng nhựa cứng có dung tích 20 lít và 03 thùng chứa 200 lít có nắp đậy, đảm bảo đủ số lượng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định hiện hành.

- Diện tích khu vực tập kết rác tập trung: 6,0 m².

Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Thường xuyên vệ sinh khu vực tập kết rác và đậy kín các thùng chứa tránh phát